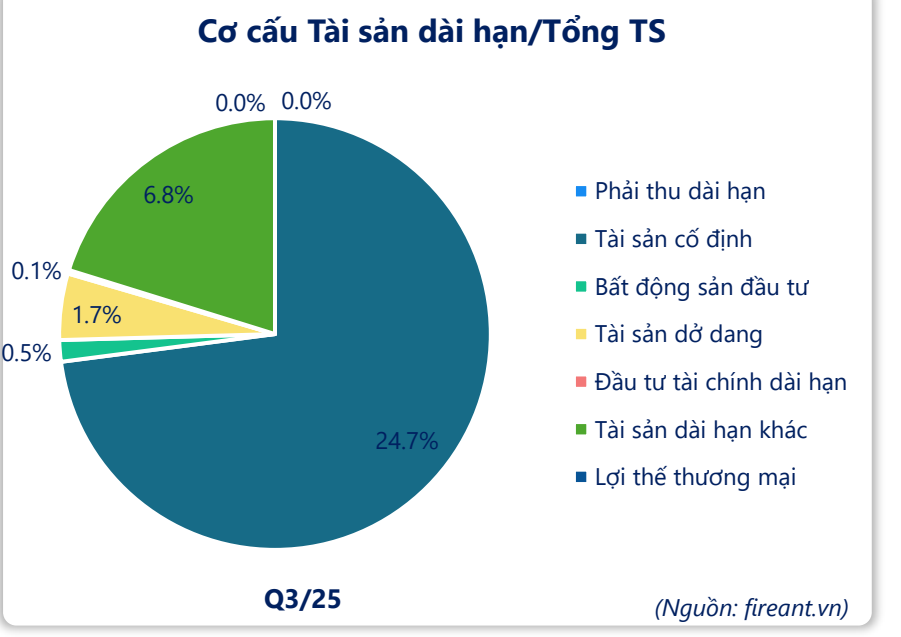
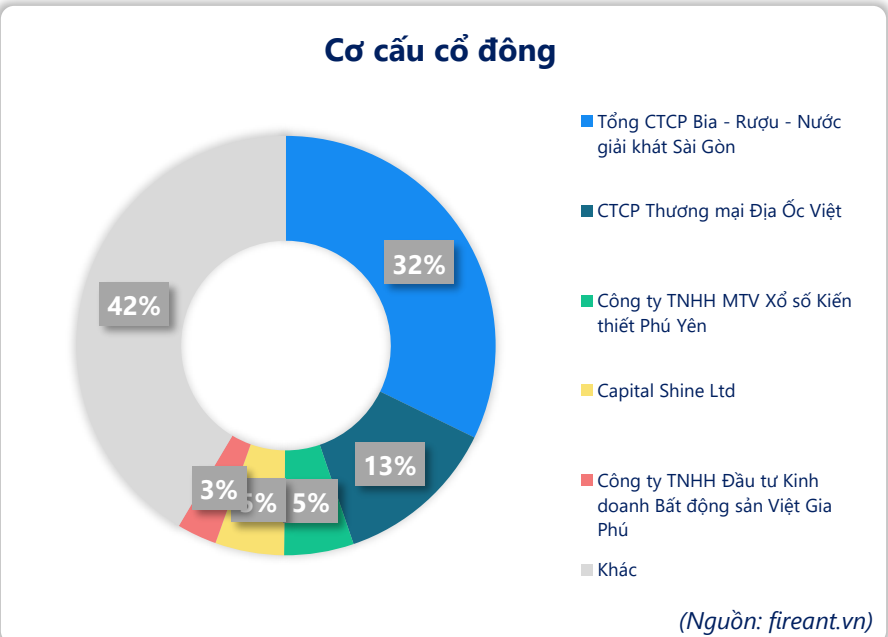
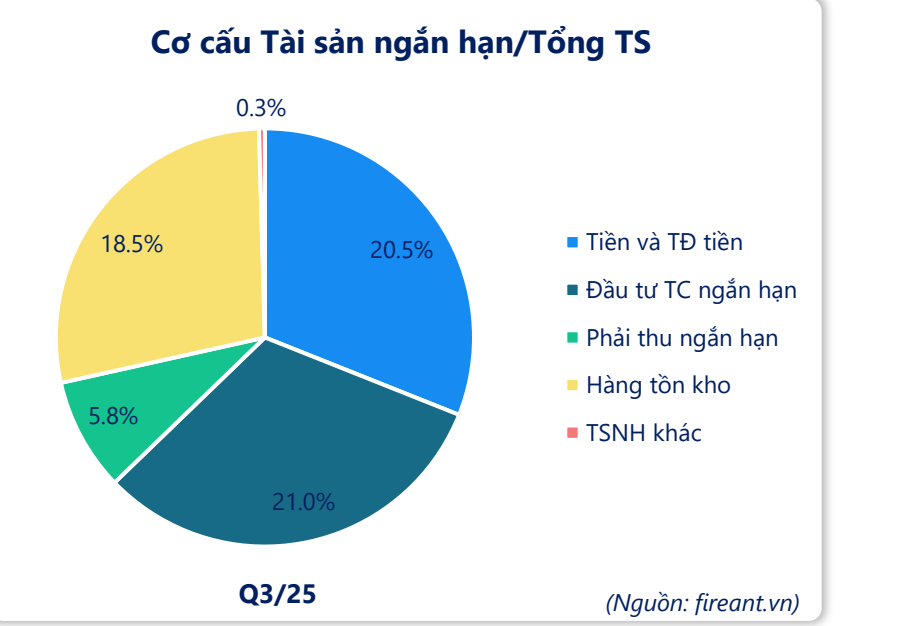
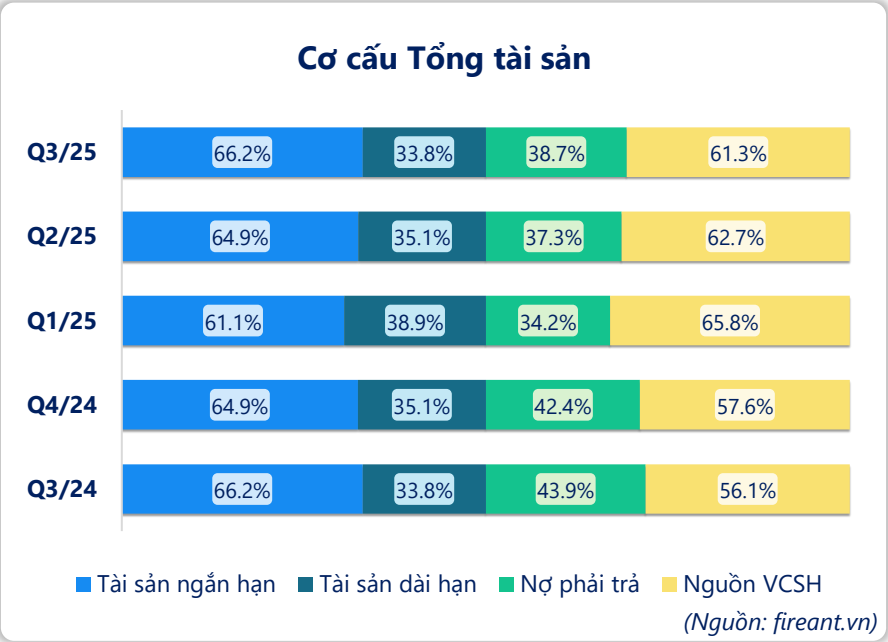
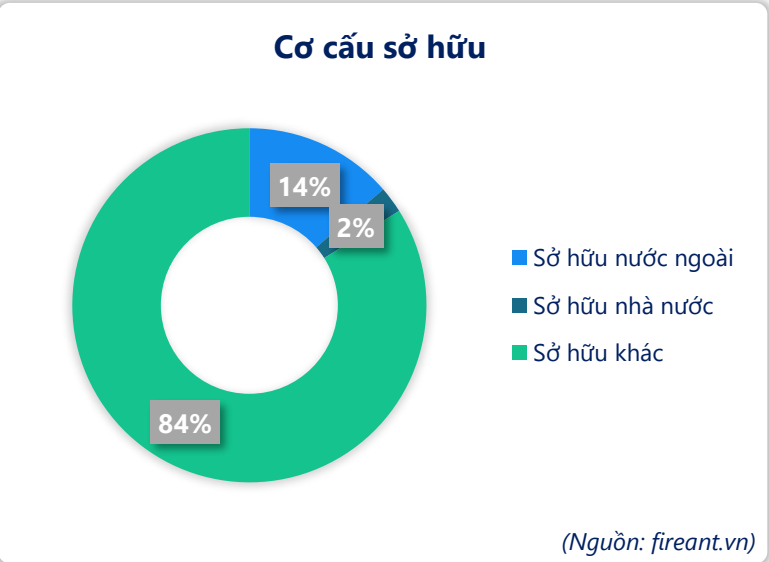
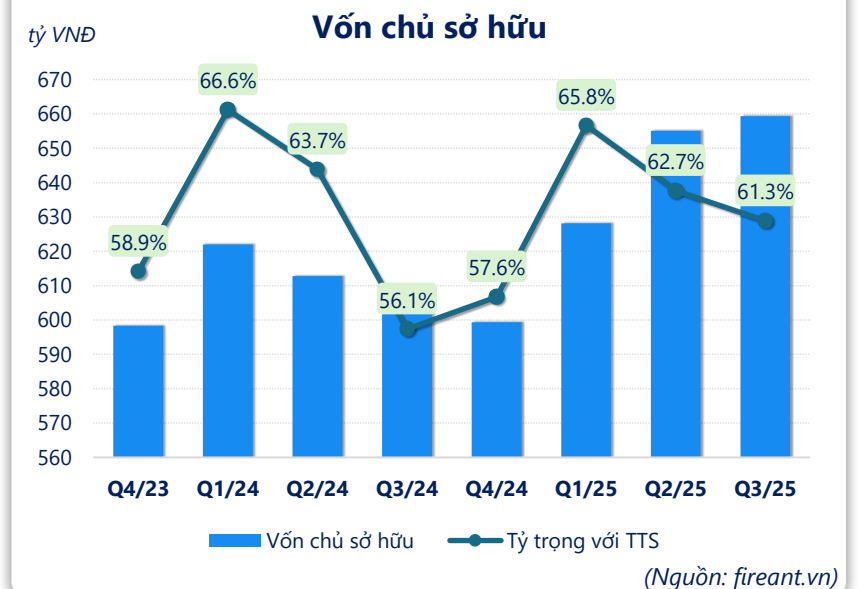
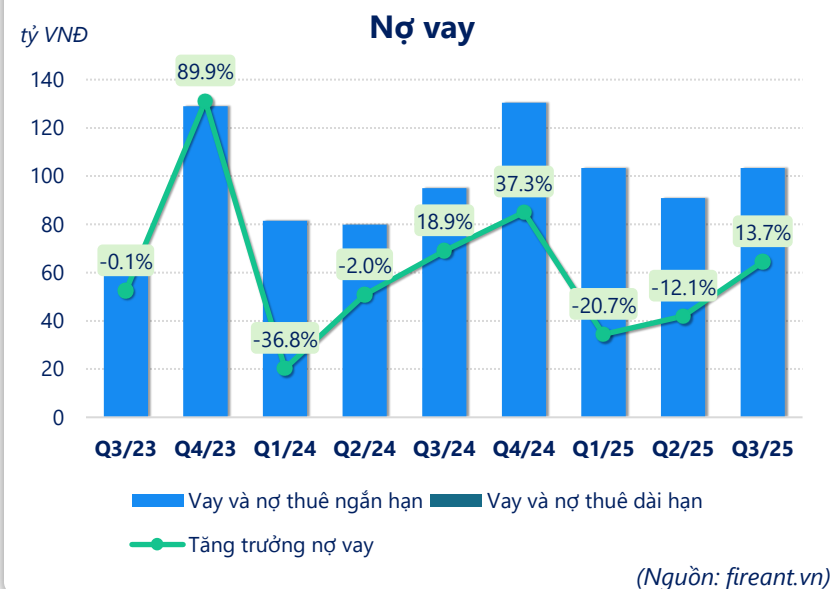
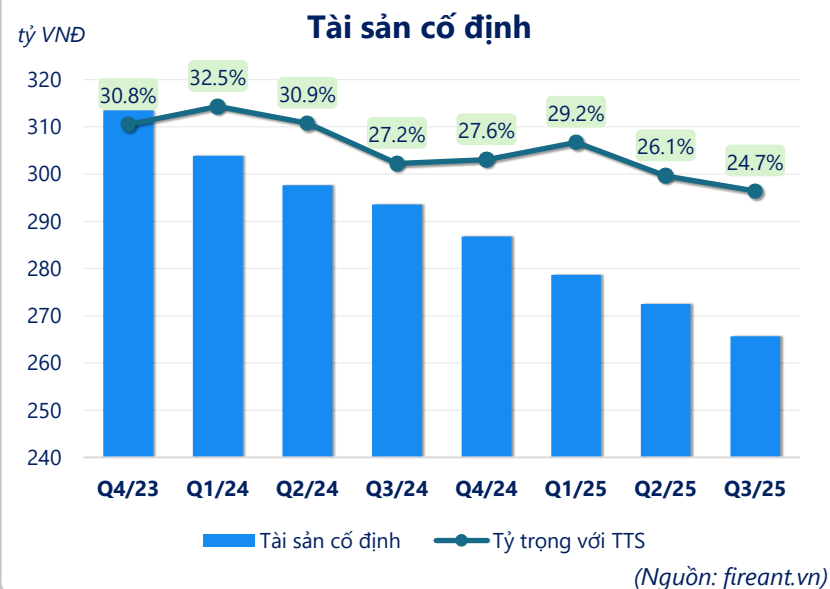
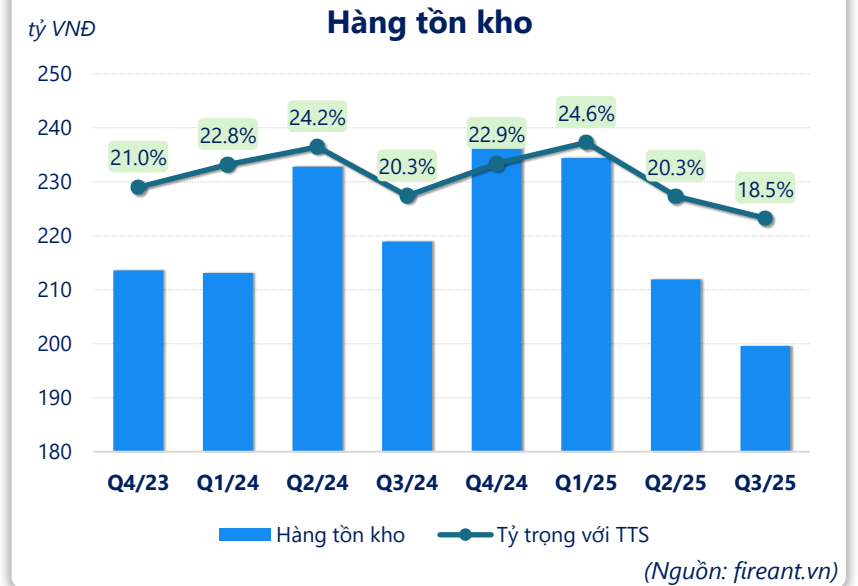
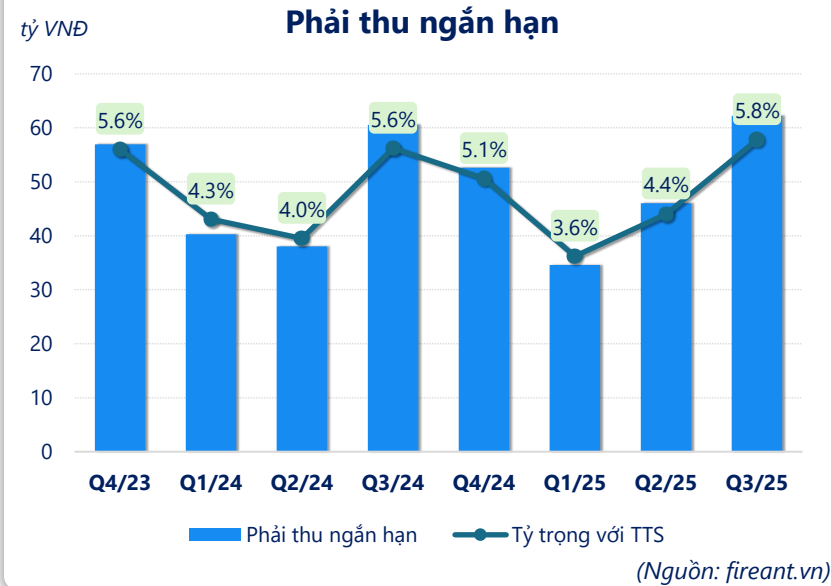
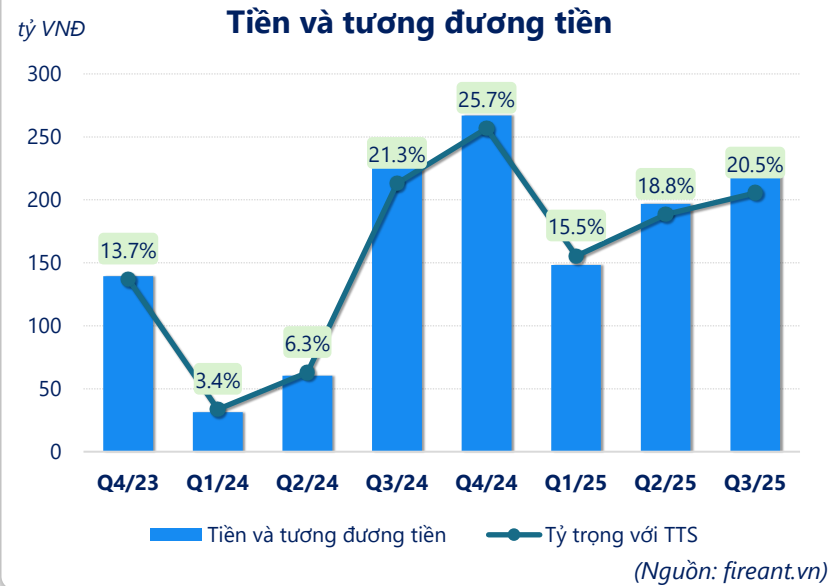
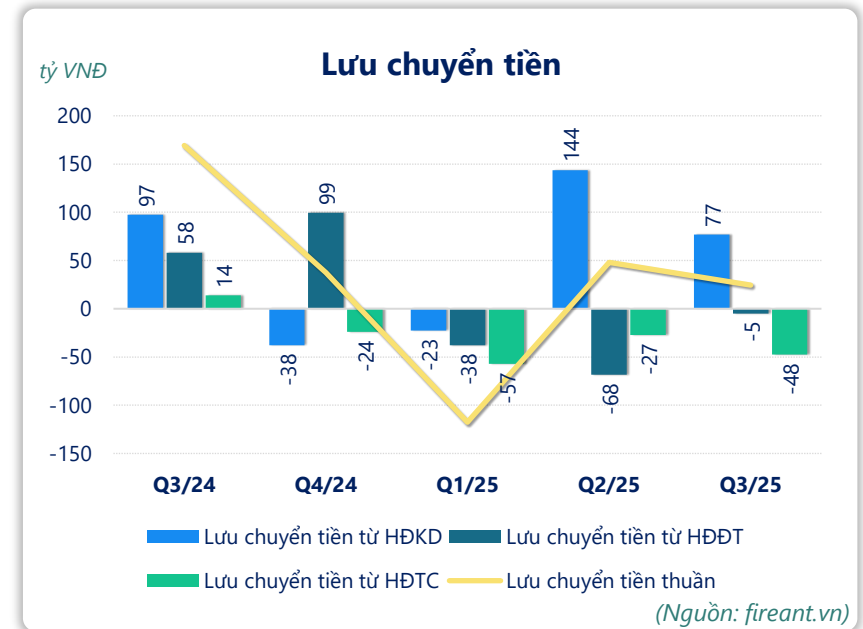
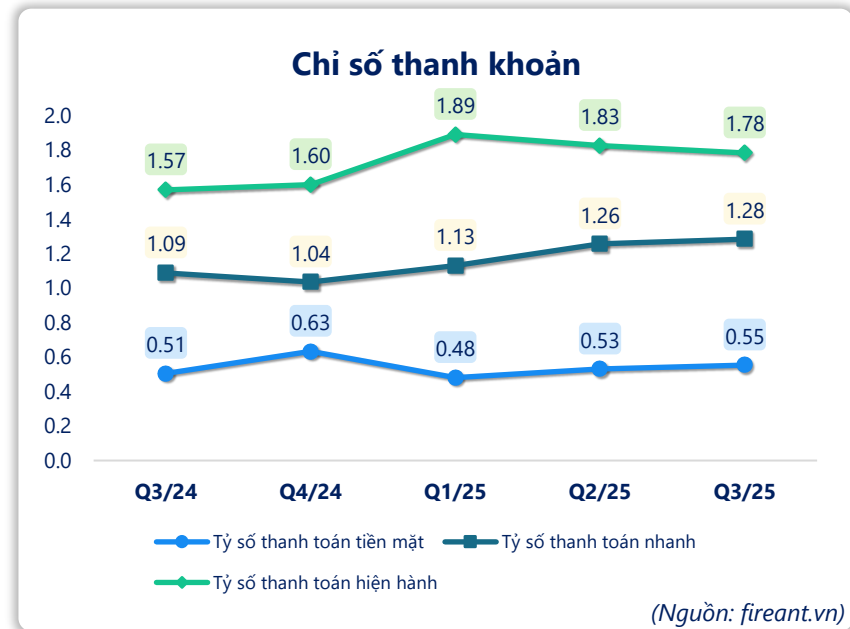
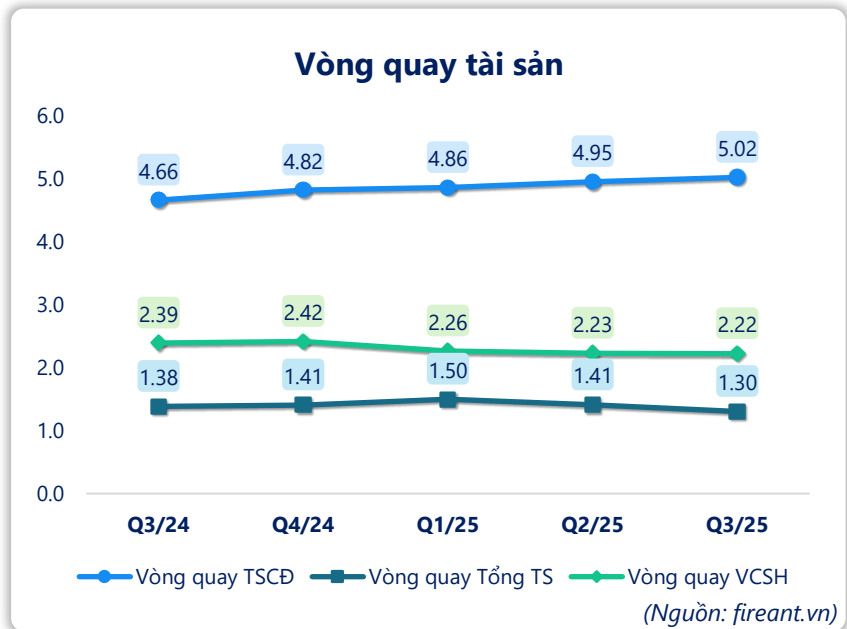
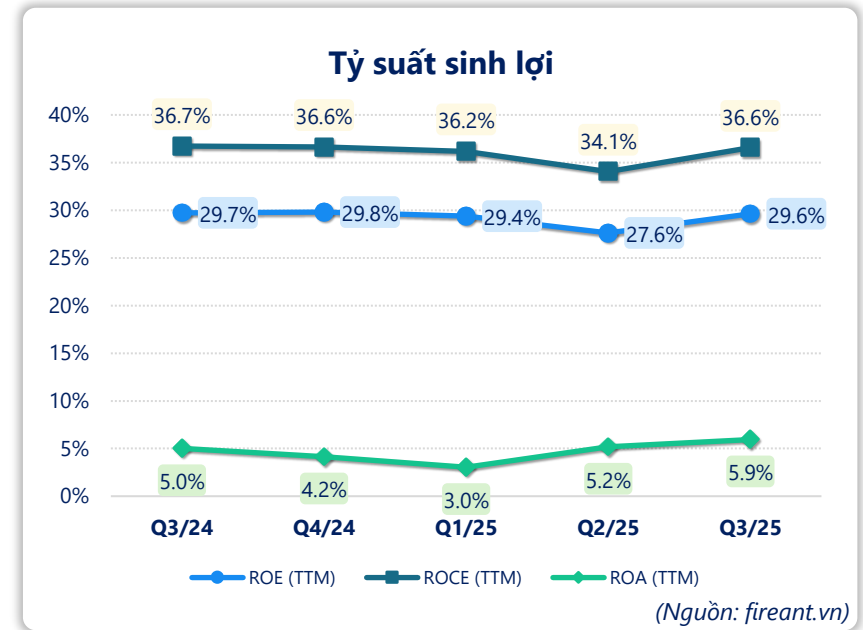
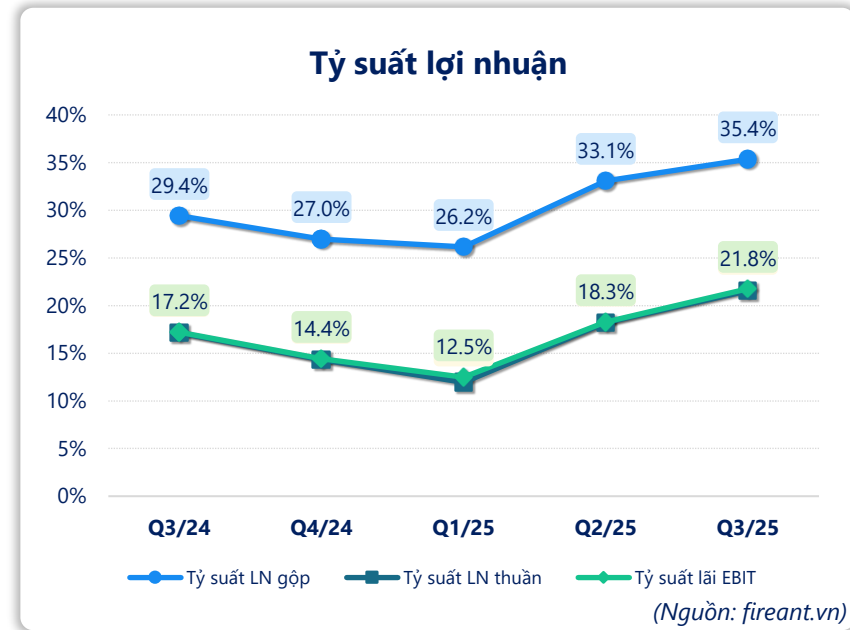
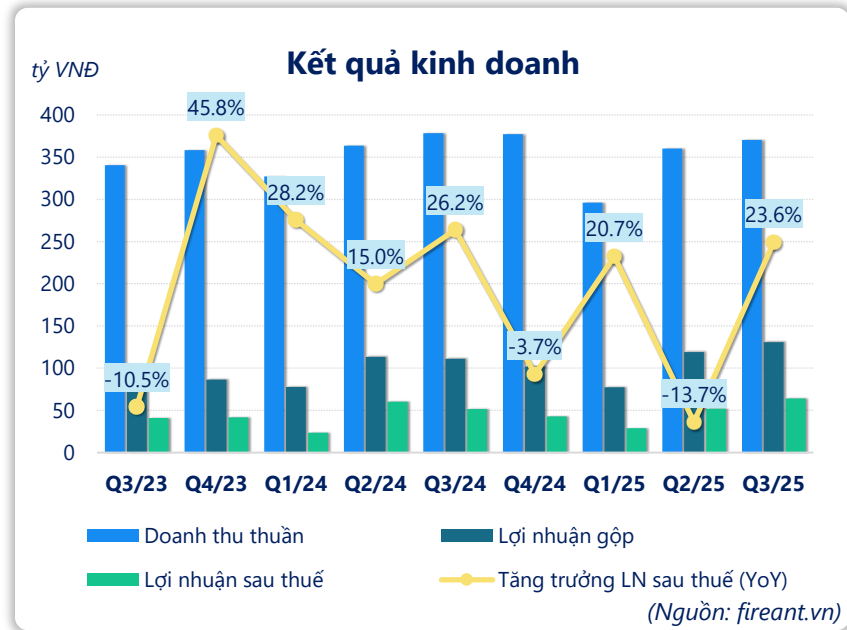


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		40,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		40,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		32,457
SL cổ phiếu LH		29,846,648
KLGD BQ 20 phiên (CP)		17,100
% sở hữu nước ngoài		13.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,200
P/E		6.4
EPS		6,276

	YTD	1T	3T	6T
SMB	0.6%	1.6%	3.5%	0.6%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,076	1,040	3.5%
Tài sản ngắn hạn	712	674	5.6%
Tiền và tương đương tiền	221	267	-17.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	226	113	100%
Phải thu ngắn hạn	62.2	52.6	18.3%
Hàng tồn kho	200	238	-16.1%
Tài sản ngắn hạn khác	3.24	3.92	-17.1%
Tài sản dài hạn	364	365	-0.3%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	266	287	-7.4%
Bất động sản đầu tư	5.86	6.12	-4.2%
Tài sản dở dang	18.1	11.0	63.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.98	0.98	0.0%
Tài sản dài hạn khác	73.6	60.4	21.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	417	440	-5.4%
Nợ ngắn hạn	399	421	-5.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	103	130	-20.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	40.2	38.6	4.1%
Nợ dài hạn	17.8	18.9	-6.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	659	599	10.0%
Vốn chủ sở hữu	659	599	10.0%
Vốn điều lệ	298	298	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	378	377	296	360	370
Giá vốn hàng bán	267	276	219	241	239
Lợi nhuận gộp	111	102	77.4	119	131
Doanh thu HĐTC	4.02	7.80	3.54	4.34	5.18
Chi phí TC	0.38	0.57	1.05	0.75	0.57
Chi phí lãi vay	0.38	0.53	1.05	0.75	0.57
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0.06
Chi phí bán hàng	26.6	30.5	22.3	33.0	31.1
Chi phí QLDN	23.4	24.5	22.3	24.2	24.7
LN thuần từ HĐKD	64.8	54.0	35.4	65.6	79.8
Lợi nhuận khác	-0.08	-0.12	0.56	-0.55	0.20
LN trước thuế	64.7	53.9	35.9	65.1	80.0
Lợi nhuận sau thuế	51.8	42.7	28.7	51.9	64.0
LNST của CĐ cty mẹ	51.8	42.7	28.7	51.9	64.0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	97.3	-38.0	-22.5	144	76.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	58.0	99.4	-37.9	-68.5	-5.05
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	13.9	-24.0	-57.1	-27.2	-47.5
Tiền đầu kỳ	60.4	230	266	148	197
Lưu chuyển tiền thuần	169	37.3	-118	48.0	24.4
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.10	0.00	0.35	0.00
Tiền cuối kỳ	230	267	148	197	221

(Nguồn: fireant.vn)